

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (sau đây gọi tắt là “ Công ty” hoặc “IDICO-IDI”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc, Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 09 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO – Xí nghiệp Xây dựng IDICO – IDI.

Địa chỉ của Chi nhánh 560A Quốc lộ 1, Khu phố 6, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Thúc	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Ủy viên
	Ông Đoàn Đắc Hiếu	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 24/4/2012)
	Ông Phan Văn Quang	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 24/4/2012)
	Bà Lê Thị Thoa	Ủy viên
	Ông Phạm Quốc Vượng	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 24/4/2012)
	Bà Trần Thúy Hương	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 24/4/2012)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Giám đốc
	Ông Lê Quốc Đạt	Phó Giám đốc
	Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

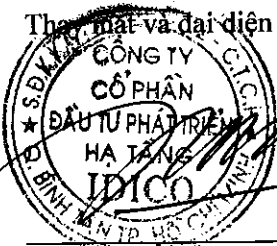
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Hồng Ninh
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Số 4 92012/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉTVề Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được lập ngày 10 tháng 08 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (gọi tắt là "Công ty") và trình bày từ trang 04 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Nguyễn Song Toàn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1551/KTV

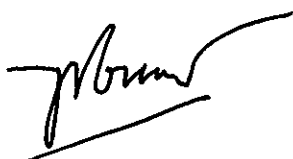
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100) = 110+120+130+140+150	100		53.160.300.928	18.521.550.019
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.928.926.591	2.596.194.316
1. Tiền	111	5.1	7.928.926.591	2.596.194.316
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	4.000.000.000	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.232.472.248	11.670.279.207
1. Phải thu khách hàng	131		232.881.360	6.275.385.185
2. Trả trước cho người bán	132		32.248.916.080	4.101.249.677
5 Các khoản phải thu khác	135	5.3	1.092.056.698	1.635.026.235
6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(341.381.890)	(341.381.890)
IV- Hàng tồn kho	140		1.202.436.142	160.446.903
1. Hàng tồn kho	141	5.4	1.202.436.142	160.446.903
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		6.796.465.947	4.094.629.593
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	514.548.931	622.056.047
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.6	59.491.683	59.491.683
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	6.222.425.333	3.413.081.863
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		481.592.376.164	488.052.656.004
I Các khoản phải thu dài hạn	210		17.930.773.120	17.930.773.120
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.8	17.930.773.120	17.930.773.120
II Tài sản cố định	220		429.657.813.724	434.802.967.398
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	393.110.712.336	419.433.116.944
- Nguyên giá	222		790.915.058.245	790.814.312.786
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(397.804.345.909)	(371.381.195.842)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	367.834.266	417.877.740
- Nguyên giá	228		877.924.800	877.924.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(510.090.534)	(460.047.060)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.11	36.179.267.122	14.951.972.714
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		23.482.780.000	23.482.780.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.12	23.482.780.000	23.482.780.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.521.009.320	11.836.135.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	10.521.009.320	11.836.135.486
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		534.752.677.092	506.574.206.023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		232.477.208.016	200.932.925.451
I- Nợ ngắn hạn	310		30.769.424.647	10.676.040.805
2. Phải trả người bán	312		4.057.025.017	3.962.706.466
3. Người mua trả tiền trước	313		529.883.800	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	1.384.064.834	1.348.846.947
5. Phải trả người lao động	315		720.868.318	-
9. Các khoản phải trả, nộp khác	319	5.15	23.011.629.174	5.364.487.392
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.065.953.504	-
II- Nợ dài hạn	330		201.707.783.369	190.256.884.646
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.16	1.012.788.162	1.012.788.162
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	200.694.995.207	189.200.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	44.096.484
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		302.275.469.076	305.641.280.572
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	302.275.469.076	305.641.280.572
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.379.800.881	8.309.902.864
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.820.235.552	2.540.252.894
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		35.583.432.643	45.299.124.814
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		534.752.677.092	506.574.206.023

Người lập biểu



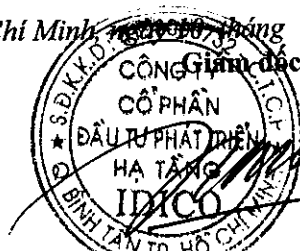
Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2012



Nguyễn Hồng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

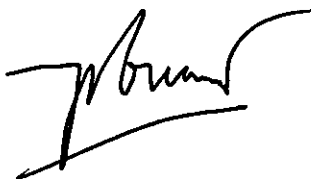
CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	73.204.163.647	81.971.043.574
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		73.204.163.647	81.971.043.574
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	28.057.173.661	32.281.748.916
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		45.146.989.986	49.689.294.658
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	1.153.153.688	2.570.407.928
7. Chi phí tài chính	22	5.22	13.358.641.721	18.814.701.124
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.358.641.721</i>	<i>18.814.701.124</i>
8. Chi phí bán hàng	24		11.432.129.151	10.165.063.577
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.190.662.402	7.360.947.792
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		16.318.710.400	15.918.990.093
11. Thu nhập khác	31	5.23	134.411.855	37.430.245
12. Chi phí khác	32	5.23	6.730.000	3.331.183
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		127.681.855	34.099.062
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		16.446.392.255	15.953.089.155
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	822.319.613	496.075.210
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		15.624.072.642	15.457.013.945
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		626	620

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

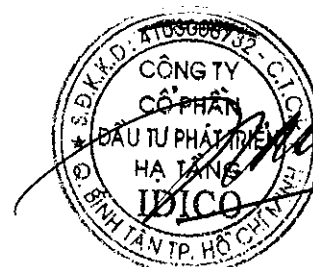
Giám đốc



Nguyễn Trường Vũ



Nguyễn Văn Thọ



Nguyễn Hồng Ninh

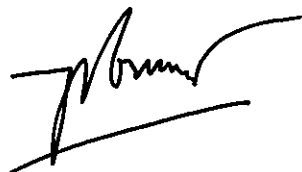
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
		đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
		VND	VND
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.446.392.255	15.953.089.155
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	26.473.193.541	27.691.905.923
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.153.153.688)	(2.570.407.928)
- Chi phí lãi vay	06	13.358.641.721	18.814.701.124
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	55.125.073.829	59.889.288.274
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(24.269.818.583)	10.161.652.837
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.041.989.239)	(2.607.448.720)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(155.496.606)	(3.700.928.649)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.422.633.282	(11.025.904.613)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(13.358.641.721)	(18.814.701.124)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(794.870.982)	(496.075.210)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(761.208.562)	(513.107.365)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	739.267.321	539.267.321
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20	16.904.948.739	33.432.042.751
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(19.625.541.267)	(176.215.298)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	8.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	1.153.153.688	2.570.407.928
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.472.387.579)	10.394.192.630
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	44.632.995.207	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(33.138.000.000)	(34.400.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(594.824.092)	(8.210.295.518)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.900.171.115	(42.610.295.518)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	5.332.732.275	1.215.939.863
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.596.194.316	3.871.551.651
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	7.928.926.591	5.087.491.514

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính không bao gồm 17.464.440.000 đồng là khoản cổ tức năm 2011 được công bố nhưng chưa chi trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Người lập biểu



Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2012



Nguyễn Hồng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09a-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc tại quyết định số 389/QĐ-HD9TV3 ngày 19/09/2007 của Hội đồng thành viên Công ty, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (số cũ 4103008732), đăng ký lần đầu ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 09 năm 2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ: 249.492.000.000.000 đồng.

Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc là công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư, thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 được ký giữa Bộ Giao thông vận tải và chủ đầu tư để xây dựng, cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1, đoạn An Sương - An Lạc thuộc địa phận TP. Hồ Chí Minh; Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 1 số 05/GPD9C1-ĐTTN ngày 07/04/2004, Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 2 số 05/GPD9C2-ĐTTN ngày 20/08/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 30/06/2012:

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Số vốn đã góp	
	Cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ	Tại 30/06/2012	Tại 01/01/2012
		VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên	8.732.220	87.322.200.000	35,0%	87.322.200.000	87.322.200.000
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6 Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO Các cổ đông khác	3.118.650 2.494.920 2.494.920 8.108.490	31.186.500.000 24.949.200.000 24.949.200.000 81.084.900.000	12,5% 10,0% 10,0% 32,5%	31.186.500.000 24.949.200.000 24.949.200.000 81.084.900.000	31.186.500.000 24.949.200.000 24.949.200.000 81.084.900.000
Tổng	24.949.200	249.492.000.000		249.492.000.000	249.492.000.000

Số lao động bình quân: 350 người (năm 2011: 310 người)

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã Chứng khoán: HTI.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở);
- Xây dựng nhà các loại;
- Thu gom rác không độc hại.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thu phí sử dụng đường bộ theo giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 và hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 trong thời gian 145 tháng kể từ tháng 1/2005, thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	12
Máy móc và thiết bị	07
Thiết bị dụng cụ quản lý	04
Phương tiện vận tải	08

Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án đầu tư B.O.T An Sương – An Lạc được khấu hao trong thời gian 145 tháng, kể từ khi đưa vào hoạt động, tuy nhiên, do đặc thù hoạt động, Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An Sương - An Lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo Công văn 390/BTC-TCĐN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình trình bày phần mềm quản lý thu phí được ghi nhận cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản (XDCB) dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư.

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền duy tu sửa chữa đường Quốc lộ 1A. Chi phí trả trước dài hạn được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 5 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.744.545.833	2.373.451.887
Tiền gửi ngân hàng	6.184.380.758	222.742.429
Tổng	7.928.926.591	2.596.194.316

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Đồng Nai.

5.3 Phải thu khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	47.618.319	36.891.233
Phải thu khác	1.044.438.379	1.598.135.002
<i>Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên</i>	<i>180.497.920</i>	<i>180.497.920</i>
<i>IDICO - CONAC</i>	<i>-</i>	<i>539.864.092</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>863.940.459</i>	<i>877.772.990</i>
Tổng	1.092.056.698	1.635.026.235

5.4 Hàng tồn kho

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	180.023.440	152.801.718
Công cụ, dụng cụ	3.313.185	6.895.185
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.019.099.517	750.000
Tổng	1.202.436.142	160.446.903

5.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ còn phân bổ	514.548.931	622.056.047
Tổng	514.548.931	622.056.047

5.6 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế nhập khẩu nộp thừa	59.491.683	59.491.683
Tổng	59.491.683	59.491.683

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	6.120.707.405	3.413.081.863
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	101.717.928	-
Tổng	6.222.425.333	3.413.081.863

5.8 Phải thu dài hạn khác

Phải thu dài hạn của khoản đầu tư góp vốn vào dự án Khu dân cư Trung tâm mở rộng Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO ("IDICO-LINCO") theo hợp đồng hợp tác kinh doanh tháng 5 năm 2011. Thông tin về dự án được trình bày tại Thuyết minh số 6.3.

5.9 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2012	779.352.066.923	6.873.816.181	4.171.637.964	416.791.718	790.814.312.786
Tăng trong kỳ	15.000.000	12.272.727	-	73.472.732	100.745.459
Mua trong kỳ	15.000.000	12.272.727	-	73.472.732	100.745.459
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2012	<u>779.367.066.923</u>	<u>6.886.088.908</u>	<u>4.171.637.964</u>	<u>490.264.450</u>	<u>790.915.058.245</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2012	365.449.971.271	4.368.219.919	1.200.057.999	362.946.653	371.381.195.842
Tăng trong kỳ	25.740.444.160	469.051.189	194.309.370	19.345.348	26.423.150.067
Khấu hao trong kỳ	25.740.444.160	469.051.189	194.309.370	19.345.348	26.423.150.067
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2012	<u>391.190.415.431</u>	<u>4.837.271.108</u>	<u>1.394.367.369</u>	<u>382.292.001</u>	<u>397.804.345.909</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	<u>413.902.095.652</u>	<u>2.505.596.262</u>	<u>2.971.579.965</u>	<u>53.845.065</u>	<u>419.433.116.944</u>
Tại 30/06/2012	<u>388.176.651.492</u>	<u>2.048.817.800</u>	<u>2.777.270.595</u>	<u>107.972.449</u>	<u>393.110.712.336</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2012: 594.804.124 VND (tại 31/12/2011: 534.737.623 VND).

5.10 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị: VND

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2012	877.924.800	877.924.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2012	<u>877.924.800</u>	<u>877.924.800</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2012	460.047.060	460.047.060
Tăng trong kỳ	50.043.474	50.043.474
Khấu hao trong kỳ	50.043.474	50.043.474
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2012	<u>510.090.534</u>	<u>510.090.534</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2012	<u>417.877.740</u>	<u>417.877.740</u>
Tại 30/06/2012	<u>367.834.266</u>	<u>367.834.266</u>

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự án đường Hà Huy Giáp, Quận 12	3.456.390.097	3.276.753.282
Dự án đầu tư bổ sung một số hạng mục giao thông trên tuyến QL 1A	29.981.536.352	10.640.404.714
Các dự án khác	94.178.900	94.178.900
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.647.161.773	940.635.818
Tổng	36.179.267.122	14.951.972.714

5.12 Đầu tư vào Công ty liên kết

	30/06/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty liên kết	1.476.490	23.482.780.000	1.476.490,00	23.482.780.000
<i>Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Sản xuất gia công và Bao bì (PACKSIMEX)</i>	<i>1.476.490</i>	<i>23.482.780.000</i>	<i>1.476.490</i>	<i>23.482.780.000</i>
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	-	-	-
Tổng	1.476.490	23.482.780.000	1.476.490	23.482.780.000

Thông tin về Công ty liên kết

Công ty	Ngành nghề chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu 30/06/2012
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Sản xuất gia công và Bao bì	Xuất nhập khẩu nông sản, sản xuất, gia công bao bì	50.000.000.000	29,53%

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Ban Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư và không có khoản đầu tư nào giảm giá. Do vậy, Công ty không trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

5.13 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trung tu tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Sương-An Lạc	10.521.009.320	11.836.135.486
Tổng	10.521.009.320	11.836.135.486

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	869.249.759	872.739.271
Thuế thu nhập doanh nghiệp	451.318.023	423.869.392
Thuế thu nhập cá nhân	63.497.052	52.238.284
Tổng	1.384.064.834	1.348.846.947

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	61.180.891	62.669.963
Cổ tức phải trả	17.635.832.908	766.217.000
Nhận tiền bảo lãnh thi công	328.341.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.986.274.375	4.535.600.429
<i>Phải trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng</i>	<i>4.122.306.000</i>	<i>4.122.306.000</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>863.968.375</i>	<i>413.294.429</i>
Tổng	23.011.629.174	5.364.487.392

5.16 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải trả cho IDICO - LINCO	1.012.788.162	1.012.788.162
Tổng	1.012.788.162	1.012.788.162

5.17 Vay và nợ dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam <1>	156.062.000.000	189.200.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam <2>	44.632.995.207	-
Tổng	200.694.995.207	189.200.000.000

<1> Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 351/2004/HĐ ngày 28 tháng 7 năm 2004 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng đầu mối), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh, Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt.

Số tiền vay: 580.000.000.000 VND;

Mục đích vay: Đầu tư dự án "Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1 A đoạn An Sương - An Lạc Km 1901 - Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh";

Thời hạn vay: 126 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;

Thời gian trả nợ: 120 tháng bắt đầu vào quý I năm 2005, trả nợ gốc 3 tháng 1 kỳ, lãi trả ngày 25 đến 30 hàng tháng;

Lãi suất đang áp dụng: 15%/ năm.

Khoản vay được đảm bảo bằng quyền thu phí quốc lộ 1A theo hợp đồng BOT.

<2> Vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-2011 ngày 18 tháng 10 năm 2011.

Số tiền vay: 630.490.000.000 VND;

Mục đích vay: Đầu tư xây dựng các hạng mục bổ sung thuộc sự án cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 1A đoạn An Sương - An Lạc theo phụ lục hợp đồng BOT số 3979/2011/PLHD-BOT ngày 01/09/2011.

Thời hạn vay: 9,5 năm (thời gian ân hạn 2,5 năm và thời gian trả nợ gốc là 7 năm).

Lãi suất đang áp dụng: 15%/ năm.

Khoản vay này được đảm bảo toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Sương - An Lạc.

Đến ngày 30/06/2012, Công ty đã rút vốn số tiền là: 44.632.995.207 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012

MÃU B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	249.492.000.000	9.150.770	-	29.709.079.947	279.210.230.717
Tăng trong năm	-	8.300.752.094	2.540.252.894	45.599.653.169	56.440.658.157
Lãi	-	-	-	45.599.653.169	45.599.653.169
Trích lập các quỹ	-	8.300.752.094	2.540.252.894	-	10.841.004.988
Giảm trong năm	-	-	-	30.009.608.302	42.554.776.604
Chia cổ tức	-	-	-	17.464.440.000	17.464.440.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	12.545.168.302	12.545.168.302
- Trích quỹ KT, PL	-	-	-	1.704.163.314	1.704.163.314
- Trích quỹ ĐTPT	-	-	-	8.300.752.094	8.300.752.094
- Trích quỹ DPTC	-	-	-	2.540.252.894	2.540.252.894
Số dư tại 31/12/2011	249.492.000.000	8.309.902.864	2.540.252.894	45.299.124.814	305.641.280.572
Số dư tại 01/01/2012	249.492.000.000	8.309.902.864	2.540.252.894	45.299.124.814	305.641.280.572
Tăng trong kỳ	-	4.069.898.017	2.279.982.658	15.624.072.642	21.973.953.317
Lãi	-	-	-	15.624.072.642	15.624.072.642
Trích lập quỹ	-	4.069.898.017	2.279.982.658	-	6.349.880.675
Giảm trong kỳ	-	-	-	25.339.764.813	25.339.764.813
Chia cổ tức (*)	-	-	-	17.464.440.000	17.464.440.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	7.875.324.813	7.875.324.813
- Trích quỹ KT, PL	-	-	-	1.525.444.138	1.525.444.138
- Trích quỹ ĐTPT	-	-	-	4.069.898.017	4.069.898.017
- Trích quỹ DPTC	-	-	-	2.279.982.658	2.279.982.658
Số dư tại 30/06/2012	249.492.000.000	12.379.800.881	4.820.235.552	35.583.432.643	302.275.469.076

Đơn vị tính: VND

(*) Theo Nghị quyết số 34/NQĐHCD-CT, ngày 24/4/2012, Công ty chia cổ tức năm 2011 là 15% vốn điều lệ. Tại ngày 25/06/2012, Công ty chốt danh sách tạm ứng cổ tức đợt 1 là 7%, tương đương 17.464.440.000 VND, theo thông báo số 584/2012/TB-SGDHCM, ngày 12/06/2012 và thời gian chi trả cổ tức là ngày 16/07/2012.

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	249.492.000.000	249.492.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	249.492.000.000	249.492.000.000

c. Cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 Cổ phiếu	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.949.200	24.949.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	10.000 đ/cổ phiếu	10.000 đ/cổ phiếu

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu cước đường bộ	73.204.163.647	77.044.872.733
Doanh thu xây lắp	-	4.926.170.841
Tổng	73.204.163.647	81.971.043.574

5.20 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Giá vốn cước đường bộ	28.057.173.661	27.672.710.915
Giá vốn xây lắp	-	4.609.038.001
Tổng	28.057.173.661	32.281.748.916

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	119.610.688	208.023.928
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.033.543.000	2.362.384.000
Tổng	1.153.153.688	2.570.407.928

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

5.22 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền vay	13.358.641.721	18.814.701.124
Tổng	13.358.641.721	18.814.701.124

5.23 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Thu nhập khác		
Thu tiền bồi thường	116.324.400	23.767.000
Thanh lý công cụ	-	13.636.363
Thu nhập khác	18.087.455	26.882
Tổng	134.411.855	37.430.245
Chi phí khác		
Giá trị còn lại công cụ thanh lý	-	3.313.190
Chi phí khác	6.730.000	17.993
Tổng	6.730.000	3.331.183
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	127.681.855	34.099.062

5.24 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận kế toán	16.446.392.255	15.953.089.155
Chuyển lỗ trong kỳ	-	6.031.584.965
Thu nhập chịu thuế	16.446.392.255	9.921.504.190
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	5%	5%
Thuế TNDN phải nộp	822.319.613	496.075.210
Chi phí thuế TNDN hiện hành	822.319.613	496.075.210

Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10%, miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ theo hướng dẫn tại Phần H, thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008.

5.25 Lãi trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.624.072.642	15.457.013.945
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	15.624.072.642	15.457.013.945
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	626	620

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.901.625.075	3.822.447.372
Chi phí nhân công	14.201.007.866	14.731.694.408
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.473.003.316	27.691.905.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.101.027.125	2.231.988.034
Chi phí khác bằng tiền	3.661.528.426	1.770.477.420
Tổng	55.338.191.808	50.248.513.157

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan***Các giao dịch với nhân sự chủ chốt*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
HĐQT & Ban điều hành Công ty	Lương, thưởng, thù lao	1.154.925.793	1.149.985.718
Tổng		1.154.925.793	1.149.985.718

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Tổng Công ty IDICO	Công ty mẹ	Thi công công trình Phải trả mua hồ sơ thầu	- -	4.926.170.841 750.000
CIENCO 6	Cổ đông lớn	Phải trả cổ tức đợt 1 năm 2011	2.183.055.000	-
IDICO - CONAC	Cổ đông lớn Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải trả cổ tức đợt 1 năm 2011	1.746.444.000	-
IDICO - URBIZ	Cổ đông lớn Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải trả cổ tức đợt 1 năm 2011	1.746.444.000	-
IDICO - UDICO	Cổ đông lớn Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải trả cổ tức đợt 1 năm 2011	1.746.444.000	-
IDICO - LINCO	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Nhập mua vật tư	4.001.779.091	-
IDICO - VINACONT	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Chi phí kiểm tra chất lượng thi công	87.049.690	-

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

<i>Số dư với các bên liên quan</i>			30/06/2012	01/01/2012
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung công nợ	VND	VND
Tổng Công ty IDICO	Công ty Mẹ	Phải thu TCT	29.883.800	5.910.486.185
		Phải trả cổ tức	6.112.554.000	-
		Phải thu khác	180.497.920	180.497.920
CIENCO 6	Cổ đông lớn	Tạm ứng cổ tức năm 2011 đợt 1	2.183.055.000	-
IDICO - CONAC	Cổ đông lớn Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải thu	1.206.579.908	539.864.092
		Ứng trước người bán	5.470.403.544	10.703.544
IDICO - UDICO	Cổ đông lớn Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Tạm ứng cổ tức	1.746.444.000	-
IDICO - LINCO	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải thu khác	17.930.773.120	17.930.773.120
		Phải trả người bán	1.096.422.500	842.974.199
		Phải trả khác	1.012.788.162	1.012.788.162
IDICO - VINACONT	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Ứng trước người bán	225.012.341	44.890.000
IDICO - INCONT	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Ứng trước người bán	679.168.000	43.668.000

6.2 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi số	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.928.926.591	2.596.194.316
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.324.938.058	7.910.411.420
Trả trước người bán	32.248.916.080	4.101.249.677
Đầu tư ngắn hạn	4.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	23.482.780.000	23.482.780.000
Tổng	68.985.560.729	38.090.635.413
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	200.694.995.207	189.200.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	27.068.654.191	9.327.193.858
Người mua trả tiền trước	529.883.800	-
Tổng	228.293.533.198	198.527.193.858

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.3 Thông tin hợp đồng hợp tác kinh doanh

Căn cứ theo hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh tháng 5 năm 2011 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO về “Dự án Khu dân cư Trung tâm mở rộng Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An”. Dự án có thông tin cụ thể như sau:

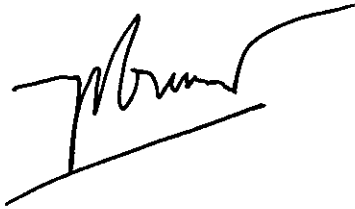
	<u>Đơn vị tính: VND</u>
Tổng mức đầu tư dự án	724.135.957.316
Trong đó cơ cấu vốn được xác định:	
70% vốn huy động hợp pháp	506.895.170.121
30% vốn góp của IDICO - LINCO và IDICO - IDI	217.240.787.195
Trong đó:	
IDICO - LINCO (70%)	152.068.551.037
IDICO - IDI (30%)	65.172.236.159
Đến 30/06/2012 IDICO - IDI đã góp	17.930.773.120

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2011 đã được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Người lập



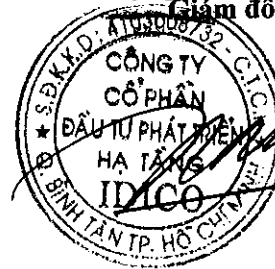
Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc



Nguyễn Hồng Ninh

